

Số: **1342** /QĐ-UBND

Bắc Kạn, ngày 05 tháng 8 năm 2019

QUYẾT ĐỊNH
Về việc Quy định mức hỗ trợ đầu tư bảo vệ và phát triển rừng tỉnh Bắc Kạn

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BẮC KẠN

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Luật Lâm nghiệp ngày 15/11/2017;

Căn cứ Nghị định số 156/2018/NĐ-CP ngày 16/11/2018 của Chính phủ Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Lâm nghiệp;

Căn cứ Nghị định số 75/2015/NĐ-CP ngày 09/9/2015 của Chính phủ về cơ chế, chính sách bảo vệ và phát triển rừng gắn với chính sách giảm nghèo nhanh, bền vững và hỗ trợ đồng bào dân tộc thiểu số giai đoạn 2015 - 2020;

Căn cứ Quyết định số 38/2016/QĐ-TTg ngày 14/9/2016 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành một số chính sách bảo vệ và phát triển rừng và đầu tư hỗ trợ kết cấu hạ tầng, giao nhiệm vụ công ích đối với các công ty nông, lâm nghiệp

Căn cứ Quyết định số 886/QĐ-TTg ngày 16/6/2017 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình mục tiêu phát triển lâm nghiệp bền vững giai đoạn 2016 - 2020;

Căn cứ Thông tư liên tịch số 93/2016/TTLT-BTC-BNNPTNT ngày 27/6/2016 của liên Bộ Tài chính, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về việc hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng kinh phí sự nghiệp thực hiện Nghị định số 75/2015/NĐ-CP ngày 09/9/2015 của Chính phủ về cơ chế, chính sách bảo vệ và phát triển rừng gắn với chính sách giảm nghèo nhanh, bền vững và hỗ trợ đồng bào dân tộc thiểu số giai đoạn 2015 - 2020;

Căn cứ Thông tư số 23/2016/TT-BNNPTNT ngày 30/6/2016 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về hướng dẫn một số nội dung quản lý công trình lâm sinh;

Căn cứ Thông tư số 09/2016/TT-BTC ngày 18/01/2016 của Bộ Tài chính Quy định về quyết toán dự án hoàn thành thuộc nguồn vốn Nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 64/2018/TT-BTC ngày 30/7/2018 của Bộ Tài chính Sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 09/2016/TT-BTC ngày 18/01/2016 của Bộ Tài chính Quy định về quyết toán dự án hoàn thành thuộc nguồn vốn Nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 21/2017/TT-BNNPTNT ngày 15/11/2017 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về hướng dẫn thực hiện Quyết định số 886/QĐ-TTg;

Căn cứ Thông tư số 62/2018/TT-BTC ngày 30/7/2018 của Bộ Tài chính Quy định quản lý và sử dụng kinh phí sự nghiệp thực hiện Chương trình mục tiêu Phát triển lâm nghiệp bền vững giai đoạn 2016-2020.

Xét đề nghị của Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tại Tờ trình số 113/TTr-SNN ngày 29/7/2019,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Quy định mức hỗ trợ đầu tư thực hiện Dự án Bảo vệ và phát triển rừng tỉnh Bắc Kạn, cụ thể như sau:

1. Mức hỗ trợ trồng rừng phòng hộ, đặc dụng:

Chi phí đầu tư trồng và chăm sóc rừng phòng hộ, đặc dụng cho 01 ha (bao gồm một năm trồng và 03 năm chăm sóc): 30.000.000 đồng/ha, cụ thể như sau:

a) Trồng và chăm sóc rừng trồng năm thứ nhất: 11.000.000 đồng/ha, trong đó:

- Chi phí mua cây giống (kể cả cây trồng dặm) + hỗ trợ nhân công: 8.695.900 đồng/ha.

- Thiết kế: 619.000 đồng/ha.

- Lập hồ sơ giao khoán, hướng dẫn kỹ thuật: 190.000 đồng/ha.

- Nghiệm thu trồng và chăm sóc năm thứ nhất: 391.600 đồng/ha.

- Chi phí quản lý dự án 10%: 1.000.000 đồng/ha, trong đó:

+ Cấp tỉnh 0,7%: 70.000 đồng/ha.

+ Cấp huyện 0,3%: 30.000 đồng/ha.

+ Ban Phát triển rừng xã, phường, thị trấn 1%: 100.000 đồng/ha.

+ Chủ đầu tư dự án 7%: 700.000 đồng/ha.

+ Ban Phát triển rừng thôn 1%: 100.000 đồng/ha.

- Chi phí thẩm tra, quyết toán 0,95%: 103.500 đồng/ha.

b) Chăm sóc năm thứ hai: 7.000.000 đồng/ha, trong đó:

- Chi phí chăm sóc rừng trồng năm thứ hai: 5.842.500 đồng/ha.

- Nghiệm thu: 391.600 đồng/ha.

- Chi phí quản lý dự án 10%: 700.000 đồng/ha,

trong đó:

+ Cấp tỉnh 0,7%: 49.000 đồng/ha.

+ Cấp huyện 0,3%: 21.000 đồng/ha.

+ Ban Phát triển rừng xã, phường, thị trấn 1%: 70.000 đồng/ha.

+ Chủ đầu tư dự án 7%: 490.000 đồng/ha.

+ Ban Phát triển rừng thôn 1%: 70.000 đồng/ha.

- Chi phí thẩm tra, quyết toán 0,95%: 65.900 đồng/ha.

c) Chăm sóc năm thứ ba:	7.000.000 đồng/ha,
trong đó:	
- Chi phí chăm sóc rừng trồng năm thứ ba:	5.842.500 đồng/ha.
- Nghiệm thu:	391.600 đồng/ha.
- Chi phí quản lý dự án 10%:	700.000 đồng/ha,
Trong đó:	
+ Cấp tỉnh 0,7%:	49.000 đồng/ha.
+ Cấp huyện 0,3%:	21.000 đồng/ha.
+ Ban Phát triển rừng xã, phường, thị trấn 1%:	70.000 đồng/ha.
+ Chủ đầu tư dự án 7%:	490.000 đồng/ha.
+ Ban Phát triển rừng thôn 1%:	70.000 đồng/ha.
- Chi phí thẩm tra, quyết toán 0,95%:	65.900 đồng/ha.
d) Chăm sóc năm thứ tư:	5.000.000 đồng/ha,
trong đó:	
- Chi phí chăm sóc rừng trồng năm thứ tư:	4.061.300 đồng/ha.
- Nghiệm thu:	391.600 đồng/ha.
- Chi phí quản lý dự án 10%:	500.000 đồng/ha
gồm:	
+ Cấp tỉnh 0,7%:	35.000 đồng/ha.
+ Cấp huyện 0,3%:	15.000 đồng/ha.
+ Ban Phát triển rừng xã, phường, thị trấn 01%:	50.000 đồng/ha.
+ Chủ đầu tư dự án 07%:	350.000 đồng/ha.
+ Ban Phát triển rừng thôn 01%:	50.000 đồng/ha.
- Chi phí thẩm tra, quyết toán 0,95%:	47.100 đồng/ha.
2. Mức hỗ trợ đầu tư trồng rừng sản xuất tại huyện 30a:	
Chi phí đầu tư trồng và chăm sóc rừng sản xuất cho 01 ha là 11.942.400 đồng/ha, mức chi cụ thể như sau:	
a) Hỗ trợ cây giống (kể cả trồng dặm) và một phần nhân công cho người trồng rừng: 10.000.000 đồng/ha:	
Mức hỗ trợ nhân công cụ thể từng năm là mức hỗ trợ còn lại sau khi đã trừ tiền mua cây giống. Giá cây giống do cơ quan có thẩm quyền phê duyệt hàng năm.	
b) Hỗ trợ khảo sát thiết kế, lập hồ sơ: 300.000 đồng/ha.	
c) Hỗ trợ cán bộ làm công tác khuyến lâm: 500.000 đồng/ha/04 năm, phân bổ theo từng năm, cụ thể như sau:	
- Năm thứ nhất:	150.000 đồng/ha.
- Năm thứ hai:	150.000 đồng/ha.

- Năm thứ ba: 100.000 đồng/ha.
- Năm thứ tư: 100.000 đồng/ha.

Kinh phí hoạt động khuyến lâm được giao theo từng năm.

d) Chi phí quản lý dự án 10%: 1.030.000 đồng/ha
gồm:

- + Cấp tỉnh 0,7%: 72.100 đồng/ha.
- + Cấp huyện 0,3%: 30.900 đồng/ha.
- + Ban Phát triển rừng xã, phường, thị trấn 1%: 103.000 đồng/ha.
- + Chủ đầu tư dự án 7%: 721.000 đồng/ha.
- + Ban Phát triển rừng thôn 1%: 103.000 đồng/ha.
- đ) Chi phí thẩm tra, quyết toán 0,95%: 112.400 đồng/ha.

3. Mức hỗ trợ đầu tư trồng rừng sản xuất ngoài huyện 30a:

a) Trồng các loài cây sản xuất gỗ lớn (khai thác sau 10 năm tuổi, cây đa mục đích, cây bản địa):

Chi phí đầu tư trồng và chăm sóc rừng sản xuất cho 01 ha là 9.721.500 đồng/ha, mức chi cụ thể như sau:

- Hỗ trợ cây giống (kể cả trồng dặm) và một phần nhân công cho người trồng rừng: 8.000.000 đồng/ha. Mức hỗ trợ nhân công cụ thể từng năm là mức hỗ trợ còn lại sau khi đã trừ tiền mua cây giống. Giá cây giống do cơ quan có thẩm quyền phê duyệt hàng năm.

- Hỗ trợ khảo sát thiết kế, lập hồ sơ: 300.000 đồng/ha.

- Hỗ trợ cán bộ làm công tác khuyến lâm: 500.000 đồng/ha/04 năm, được phân bổ theo từng năm, cụ thể như sau:

- + Năm thứ nhất: 150.000 đồng/ha.
- + Năm thứ hai: 150.000 đồng/ha.
- + Năm thứ ba: 100.000 đồng/ha.
- + Năm thứ tư: 100.000 đồng/ha.

Kinh phí hoạt động khuyến lâm được giao theo từng năm.

- Chi phí quản lý dự án 10%: 830.000 đồng/ha gồm:
 - + Cấp tỉnh 0,7%: 58.100 đồng/ha.
 - + Cấp huyện 0,3%: 24.900 đồng/ha.
 - + Ban Phát triển rừng xã, phường, thị trấn 1%: 83.000 đồng/ha.
 - + Chủ đầu tư dự án 7%: 581.000 đồng/ha.
 - + Ban Phát triển rừng thôn 1%: 83.000 đồng/ha.
- Chi phí thẩm tra, quyết toán 0,95%: 91.500 đồng/ha

b) Trồng các loài cây sản xuất gỗ nhỏ (khai thác trước 10 năm tuổi):

Chi phí đầu tư trồng và chăm sóc rừng sản xuất cho 01ha là: 6.390.100 đồng/ha, mức chi cụ thể như sau:

- Hỗ trợ cây giống (kể cả trồng dặm) và một phần nhân công cho người trồng rừng: 5.000.000 đồng/ha. Mức hỗ trợ nhân công cụ thể từng năm là mức hỗ trợ còn lại sau khi đã trừ tiền mua cây giống. Giá cây giống do cơ quan có thẩm quyền phê duyệt hàng năm.

- Hỗ trợ khảo sát thiết kế, lập hồ sơ: 300.000 đồng/ha.

- Hỗ trợ cán bộ làm công tác khuyến lâm: 500.000 đồng/ha/04 năm, được phân bổ theo từng năm, cụ thể như sau:

+ Năm thứ nhất: 150.000 đồng/ha.

+ Năm thứ hai: 150.000 đồng/ha.

+ Năm thứ ba: 100.000 đồng/ha.

+ Năm thứ tư: 100.000 đồng/ha.

Kinh phí hoạt động khuyến lâm được giao theo từng năm.

- Chi phí quản lý dự án 10%: 530.000 đồng/ha gồm:

+ Cấp tỉnh 0,7%: 37.100 đồng/ha.

+ Cấp huyện 0,3%: 15.900 đồng/ha.

+ Ban Phát triển rừng xã, phường, thị trấn 1%: 53.000 đồng/ha.

+ Chủ đầu tư dự án 7%: 371.000 đồng/ha.

+ Ban Phát triển rừng thôn 1%: 53.000 đồng/ha.

- Chi phí thẩm tra, quyết toán 0,95%: 60.100 đồng/ha.

4. Mức hỗ trợ trồng cây phân tán:

Ngân sách nhà nước hỗ trợ chi phí mua cây giống và chi phí quản lý, thẩm tra, quyết toán mức hỗ trợ tối đa không quá 5.000.000 đồng/ha (quy đổi 1.000 cây/ha). Mức hỗ trợ cụ thể căn cứ vào đơn giá cây giống do cơ quan có thẩm quyền phê duyệt hàng năm.

- Chi phí quản lý dự án 10% tổng chi phí mua cây giống, trong đó:

+ Cấp tỉnh: 0,7%.

+ Cấp huyện: 0,3%.

+ Ban Phát triển rừng xã, phường, thị trấn: 1%.

+ Chủ đầu tư dự án: 7%.

+ Ban Phát triển rừng thôn: 1%.

- Chi phí thẩm tra, quyết toán 0,95% của chi phí mua cây giống và chi phí quản lý.

5. Hỗ trợ bảo vệ rừng, khoán bảo vệ rừng, khoanh nuôi tái sinh rừng tự nhiên:

a) Hỗ trợ bảo vệ rừng, khoán bảo vệ rừng tự nhiên tại huyện 30a và các xã thuộc Khu vực II, III:

- Thiết kế, lập hồ sơ giao khoán (lập cho chu kỳ giao khoán 05 năm): 50.000 đồng/ha.

- Hỗ trợ công bảo vệ rừng: 400.000 đồng/ha/năm.

- Chi phí quản lý dự án 7% tổng kinh phí giao khoán hàng năm, trong đó:

+ Cấp tỉnh: 0,49%.

+ Cấp huyện: 0,21%.

+ Ban Phát triển rừng xã, phường, thị trấn: 0,70%.

+ Chủ đầu tư dự án: 4,90%.

+ Ban Phát triển rừng thôn: 0,70%.

b) Khoanh nuôi tái sinh rừng tự nhiên:

- Không trồng bổ sung:

+ Thiết kế, lập hồ sơ giao khoán (lập cho chu kỳ giao khoán 06 năm): 50.000 đồng/ha.

+ Hỗ trợ công bảo vệ rừng: 500.000 đồng/ha/năm.

+ Chi phí quản lý dự án 7% tổng kinh phí giao khoán hàng năm, trong đó: Cấp tỉnh 0,49%; cấp huyện 0,21%; Ban Phát triển rừng xã, phường, thị trấn 0,7%; chủ đầu tư dự án 4,9%; Ban Phát triển rừng thôn 0,7%.

- Có trồng bổ sung:

+ Trồng và chăm sóc rừng trồng năm thứ nhất: 2.675.000 đồng/ha, trong đó:

Thiết kế, lập hồ sơ giao khoán (lập cho chu kỳ giao khoán 06 năm): 900.000 đồng/ha; chi phí mua cây giống và hỗ trợ công 1.600.000 đồng/ha; chi phí quản lý dự án 7%: 175.000 đồng/ha, gồm: Cấp tỉnh 0,49%: 12.250 đồng/ha, cấp huyện 0,21%: 5.250 đồng/ha, Ban Phát triển rừng xã, phường, thị trấn 0,70%: 17.500 đồng/ha, chủ đầu tư dự án 4,9%: 122.500 đồng/ha, Ban Phát triển rừng thôn 0,7%: 17.500 đồng/ha;

+ Chăm sóc năm thứ hai và năm thứ ba: 1.712.000 đồng/ha/năm, trong đó:

Hỗ trợ công 1.600.000 đồng/ha/năm; chi phí quản lý dự án 7%: 112.000 đồng/ha/năm, gồm: Cấp tỉnh 0,49%: 7.840 đồng/ha/năm, cấp huyện 0,21%: 3.360 đồng/ha/năm, Ban Phát triển rừng xã, phường, thị trấn 0,7%: 11.200 đồng/ha/năm, chủ đầu tư dự án 4,9%: 78.400 đồng/ha/năm, Ban Phát triển rừng thôn 0,7%: 11.200 đồng/ha/năm;

+ Chăm sóc năm thứ tư, năm thứ năm và năm thứ sáu: 642.000 đồng/ha/năm, trong đó:

Hỗ trợ công: 600.000 đồng/ha/năm; chi phí quản lý dự án 7%: 42.000 đồng/ha/năm, gồm: Cấp tỉnh 0,49%: 2.940 đồng/ha/năm, cấp huyện 0,21%: 1.260 đồng/ha/năm, Ban Phát triển rừng xã, phường, thị trấn 0,7%: 4.200 đồng/ha/năm, chủ đầu tư dự án 4,9%: 29.400 đồng/ha/năm, Ban Phát triển rừng thôn 0,7%: 4.200 đồng/ha/năm.

Riêng đối với diện tích giao khoán bảo vệ, khoanh nuôi tái sinh rừng tự nhiên của Công ty Trách nhiệm hữu hạn một thành viên Lâm nghiệp Bắc Kạn được ngân sách nhà nước hỗ trợ bằng 50% so với mức bình quân giao khoán bảo vệ rừng, khoanh nuôi tái sinh rừng cho hộ gia đình, cá nhân và cộng đồng.

6. Trợ cấp gạo đối với trồng rừng thay thế nương rẫy:

Thực hiện theo Điều 6 Thông tư liên tịch số 93/2016/TTLT-BTC-BNNPTNT ngày 27/6/2016 của liên Bộ Tài chính, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn (Mức hỗ trợ 15 kg gạo/khẩu/tháng/ha; diện tích hỗ trợ tối thiểu từ 0,2 ha trở lên).

7. Thời gian áp dụng chính sách:

Việc áp dụng các định mức hỗ trợ đối với các hạng mục công việc theo Dự án Bảo vệ và phát triển rừng thực hiện từ ngày 01 tháng 01 năm 2019.

Những hạng mục đã thực hiện từ 31 tháng 12 năm 2018 trở về trước thì áp dụng theo quy định tại Quyết định số 1956/QĐ-UBND ngày 28/11/2016 của UBND tỉnh Bắc Kạn về việc phê duyệt mức hỗ trợ đầu tư Bảo vệ và phát triển rừng tỉnh Bắc Kạn và các quy định hiện hành.

Đối với chi phí thẩm tra quyết toán sẽ được giao vào năm sau của năm thực hiện để chi trả chi phí tổ chức thẩm tra quyết toán theo quy định.

Điều 2. Các nội dung khác không đề cập tại Quyết định này thực hiện theo Quyết định số 38/2016/QĐ-TTg và các quy định hiện hành. Quyết định này thay thế Quyết định số 1956/QĐ-UBND ngày 28/11/2016 của UBND tỉnh Bắc Kạn về việc phê duyệt mức hỗ trợ đầu tư bảo vệ và phát triển rừng tỉnh Bắc Kạn.

Điều 3. Chánh Văn phòng Đoàn Đại biểu Quốc hội, Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc các Sở: Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính, Kho bạc nhà nước tỉnh; Văn phòng thường trực Chương trình mục tiêu phát triển lâm nghiệp bền vững tỉnh, các Ban quản lý Chương trình mục tiêu phát triển lâm nghiệp bền vững cơ sở; Thủ trưởng các cơ quan đơn vị liên quan và Chủ tịch UBND các huyện, thành phố chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3 (t/hiện);
- CT, PCT UBND tỉnh (bà Hoa);
- CVP, PVP (Ô. Thất);
- Lưu: VT, Khởi, Hoàn.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Đỗ Thị Minh Hoa

